

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH
TRƯỜNG THPT XUÂN TRƯỜNG B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 262/QĐ-THPTXTB

Xuân Trường, ngày 13 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu, thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách nhà nước; học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ trường THPT Xuân Trường B.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu, thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách nhà nước; học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm 2023 tại bảng tin tầng 1 và trên cổng thông tin điện tử của trường THPT Xuân Trường B (theo biểu đính kèm), ít nhất 30 ngày kể từ ngày 13/11/2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường THPT Xuân Trường B, bộ phận tài chính và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN XUÂN TRÀ

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Xuân Trường B

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

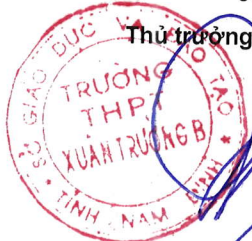
(Kèm theo Quyết định số 262/QĐ-THPT XTB ngày 13/11/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Xuân Trường B)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	12.529.605.000	12.529.605.000	0	12.529.605.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.529.605.000	12.529.605.000	0	12.529.605.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.529.605.000	12.529.605.000	0	12.529.605.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.304.000.000	12.304.000.000	0	12.304.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	225.605.000	225.605.000	0	225.605.000

Ngày 13 tháng 11 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
TRẦN XUÂN TRÀ

Mã chương: 422

Đơn vị báo cáo: Trường THPT Xuân Trường B

Mã ĐVQHNS: 1014093

Mẫu số B03/BCQT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Năm 2023

A. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình người lao động, quỹ lương:

1.1. Người lao động có mặt tại thời điểm báo cáo:

Trong đó:

Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):

Người lao động theo hợp đồng 111:

91 Người

81 Người

10 Người

B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao (kinh phí năm trước chuyển sang, dự toán hủy bỏ không thực hiện, chi sai chế độ phải xuất toán,...): Không

2. Nguồn NSNN trong nước:

2.1. Kinh phí đã nhận từ năm trước chuyển sang:

2.2. Dự toán giao năm nay:

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- DT giao đầu năm:

Trong đó nguồn CK:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

Trong đó nguồn CK:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

- Dự toán cấp bằng Lệnh chi tiền:

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- DT giao đầu năm:

Trong đó nguồn CK:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm:

Trong đó nguồn CK:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

- Dự toán cấp bằng Lệnh chi tiền:

- Nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

2.3. Kinh phí thực nhận trong năm:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

Trong đó nguồn CK:

Trong đó:

+ Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao:

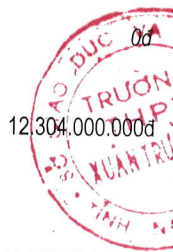
+ Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

Trong đó nguồn CK:

Trong đó:

+ Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao:



12.304.000.000 đ

11.248.000.000 đ

1.056.000.000 đ

225.605.000 đ

225.605.000 đ

12.304.000.000 đ

12.304.000.000 đ

225.605.000 đ

225.605.000 đ

- + Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:
- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

2.4. Kinh phí giảm trong năm:

- Nguồn NSNN giảm:

0đ

II. Tình hình thu phí, lệ phí và sử dụng nguồn phí được khấu trừ, để lại

III. Nguồn hoạt động khác được để lại

IV. Thuyết minh khác

1. Chi tiền lương:

1.1. Chi từ nguồn NSNN trong nước:

10.108.433.600 đ

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho người lao động theo hợp đồng 68:

1.2. Chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho người lao động theo hợp đồng 68:

1.3. Chi từ nguồn phí được khấu trừ, để lại:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho người lao động theo hợp đồng 68:

1.4. Chi từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho người lao động theo hợp đồng 68:

524.000.000 đ

1.5. Chi từ nguồn khác:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm):
- Chi cho người lao động theo hợp đồng 68:

2. Trích lập và sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương:

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			
			Nguồn NSNN	Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn sản xuất kinh doanh, dịch vụ	Nguồn khác
I	Số dư năm trước mang sang	39.258.000			39.258.000	
II	Trích lập	509.072.000			509.072.000	
III	Sử dụng	524.000.000			524.000.000	
1	Sử dụng cho cải cách tiền lương	524.000.000			524.000.000	
2	Sử dụng cho đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn và thực hiện cơ chế tự chủ					
IV	Số dư chuyển năm sau	24.330.000			24.330.000	

C. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ: Không

Người lập
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Nhài

Lập, ngày 13 tháng 11 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Xuân Trà

QUYẾT TOÁN THU - CHI HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 262/QĐ-THPT XTB ngày 13/11/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Xuân Trường B)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Năm trước chuyển sang	Doanh thu/ Tổng thu khác/ Tạm thu	Chi phí/ Chi phí khác	Chi phí thuế GTGT	Thặng dư/ thâm hụt/ KP chuyển năm sau	Thặng dư/ thâm hụt chia ra:							Ghi chú
							Kinh phí cải cách tiền lương	Chi phí thuế TNDN	Chi phí khác nộp NSNN	Trích lập các quỹ				
										Phúc lợi	PTS N	Khen thưởng		
I	Hoạt động SXKD, dịch vụ													
1	Học phí	39.258.000	1.272.010.000	762.938.000		24.330.000	524.000.000	0	0	0	0	0		
	Học phí (tạm thu)	655.470.000	655.470.000	0	0	655.470.000	0	0	0	0	0	0	Số thu do chênh lệch mức thu 90.000đ và 200.000đ (chờ xử lý)	
2	Coi xe	0	118.120.000	106.308.000	5.906.000	0	0	5.906.000	0	0	0	0		
II	Các khoản thu khác ngoài học phí													
1	Học thêm	72.722.400	5.888.260.000	5.548.322.100	0	370.097.100	0	42.563.200	0	0	0	0		
2	Nước uống	45.336.000	85.608.000	70.104.900	0	60.839.100	0	0	0	0	0	0		
3	Hoa hồng BHYT HS	0	17.281.207	17.281.207	0	0	0	0	0	0	0	0		

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Nhài

Xuân Trường, ngày 13 tháng 11 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

HIỆU TRƯỞNG

TRẦN XUÂN TRẢ